

BẢN TIN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP
NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2018-2019**
Lưu vực sông Hương và phụ cận, tỉnh Thừa Thiên Huế

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Trạm	Lượng mưa cộng dồn (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất (mm)
		TBNN	Năm 2016	Năm 2017	
A Lưới	923,8	-39	-51	-54	244,6
Huế	859,9	-42	-54	-38	204,9
Nam Đông	580,4	-61	-65	-58	351,6
Phú Ốc	690,0	-53	-58	-55	132,2
Kim Long	735,0	-50	-55	-47	210,7
Thượng Nhật	534,0	-64	-71	-61	154,4
Trung bình	839,6	-55	-58	-51	199,7

Nhận xét:

Lượng mưa cộng dồn từ tháng VI/2018 đến hiện tại tất cả các trạm đều khá thấp, thấp hơn từ 39 ÷ 64% so với TBNN, thấp hơn từ 51 ÷ 65% so với năm 2016, thấp hơn từ 38 ÷ 61% so với năm 2017 cùng thời kỳ.

Lượng mưa dự báo vụ Đông Xuân tại các trạm biến đổi từ 150 ÷ 350mm, lượng mưa dự báo thấp hơn từ 43 ÷ 67% so với TBNN. Lượng mưa dự báo vụ ĐX thấp hơn 59 - 83% so với năm 2016-2017, thấp hơn từ 41 - 79% so với năm 2017-2018.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m3)	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2017	2016		
1	Hồ Tả Trạch	420,5	18		0	-34	Giảm	34
2	Hồ Truồi	55,206	43		-35	-41	Giảm	87
3	Hồ Khe Ngang	15,07	31		-27	-48	Tăng	81
4	Hồ Hòa Mỹ	9,67	20		-80	-84	Giảm	77



TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế	W trữ hiện tại so với	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế	Dự kiến W trữ cuối
				TBNN	2017	2016		
5	Phú Bài 2	6,00	8		-45	-83	Tăng	73
6	Hồ Thọ Sơn	5,472	7		-47	-83	Tăng	77
7	Hồ Mỹ Xuyên	4,44	78		+3	-7	Tăng	91
8	Hồ Châu Sơn	2,65	79		+16	-30	Tăng	100
9	Hồ Thiềm Lúa	1,72	71		0	0	Giảm	89
10	Hồ Thôn Niêm	1,412	62		0	0	Giảm	86
11	Hồ Tà Rinh	0,819	67		-28	-18	Tăng	100
12	Hồ Nam Giản	0,624	52		+5	-24	Tăng	100
13	Hồ A Lá	0,38	28		+34	+60	Tăng	64
14	Hồ Ông Môi	0,178	34		+18	-45	Giảm	62
	Trung Bình	524,141	22		-16	-39		44

Nhận xét:

- Hiện tại các hồ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có dung tích đạt từ 7-79% so với thiết kế. Trong đó có 3 hồ đang cạn nước. Tổng dung tích của 14 hồ chứa tại tỉnh Thừa Thiên Huế đạt 22% so với thiết kế.

- Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2019 tại 14 hồ chứa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ có 6 hồ giảm so với nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2018 và 8 hồ tăng so với nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2018.

- Kết quả tính toán cân bằng nước cho thấy đến cuối vụ Đông Xuân hầu hết các hồ vẫn còn đạt trên 50% dung tích thiết kế, trừ hồ Tả Trạch đạt 34%. Tuy nhiên nếu không có mưa bổ sung, vào vụ hè thu một số hồ sẽ có nguy cơ thiếu nước.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du (nếu có)

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	So sánh với cùng kỳ (+/- %)			Dự báo xu thế nguồn nước đến hồ so với TBNN
			TBNN	2017	2016	
Hồ Tả Trạch	420,500	74,860	-40	+0,1	-34	Giảm
Hồ Bình Điền	423,680	94,351		-58		Giảm
Hồ Hương Điền	820,660	504,912		+1	-18	Giảm

Nhận xét: Dung tích hiện có của hồ Tả Trạch thấp hơn so với TBNN là 40%, cao hơn so với năm 2017 là 0,1% và thấp hơn so với năm 2016 là 34% cùng thời kỳ.

- Dung tích hiện có của hồ Bình Điền thấp hơn so với năm 2017 là 58%.

- Dung tích hiện có của hồ Hương Điền cao hơn so với năm 2017 là 1% và thấp hơn so với năm 2016 là 18% cùng thời kỳ.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

1. Các kịch bản hạn hán

❖ Mục tiêu xây dựng kịch bản



Xây dựng được cơ sở dữ liệu nền về nguồn nước, tình hình sản xuất và thiệt hại, làm tham chiếu nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất nông nghiệp.

❖ Phương pháp thực hiện: Dựa trên 2 nhóm yếu tố chính

(1) Nguồn nước (lượng mưa): Dựa vào (a) QĐ 44/2014/QĐ-TTg hướng dẫn về cấp độ rủi ro thiên tai; (b) “Qui định kỹ thuật về công tác dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ vận hành các hệ thống công trình thủy lợi”. Tổng cục Thủy lợi đang xây dựng.

(2) Dung tích trữ trong hồ chứa và tình hình sản xuất:

- Dung tích trữ trong các hồ chứa tại thời điểm xây dựng kịch bản;
- Diện tích sản xuất, ngừng hoặc chuyển đổi sản xuất (thống kê);
- Diện tích thiệt hại do thiếu nước (thống kê);
- Tình hình thực tế vận hành của hệ thống thủy lợi qua các năm.

❖ Các kịch bản tính toán phục vụ điều hành sản xuất

- Kịch bản nhiều nước (không hạn).
- Kịch bản trung bình (hạn nhẹ).
- Kịch bản ít nước (hạn vừa).
- Kịch bản rất ít nước (hạn nặng).

1.1. Nguồn nước (lượng mưa): Lựa chọn trạm Nam Đông làm đại diện tính toán xây dựng kịch bản vụ Đông Xuân 2018-2019

Lượng mưa dự báo vụ Đông Xuân năm 2019 ứng với các tần suất 25%, 50%, 75%

TT	P%	Lượng mưa vụ đông xuân (mm)
1	25%	535,0
2	50%	426,7
3	75%	327,4

Kịch bản hạn tương ứng với các năm

TT	Kịch bản	Lượng mưa mm	Tần suất P (%)	Năm tương ứng
1	Kịch bản nhiều nước (không hạn)	>535	Mưa (P<25%)	2016, 2017, 2018
2	Kịch bản nước trung bình (hạn nhẹ)	426,7÷535	Mưa (P25%-50%)	2015
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	327,4÷426,7	Mưa (P50%-75%)	2010, 2012
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<327,4	Mưa (>75%)	2002

1.2. Dung tích trữ các hồ chứa và tình hình hạn hán:

TT	Kịch bản	Nguồn nước trữ trong	Năm tương	Phạm vi mức
----	----------	----------------------	-----------	-------------



		hồ chứa (triệu m³)	tự xảy ra	độ ảnh hưởng
1	Kịch bản không thiếu nước (không hạn)	393-524 Đạt từ 75%-100%) DTTK	2017, 2018	0
2	Kịch bản thiếu nước nhẹ (hạn nhẹ)	262-393 Đạt từ 50%-75% DTTK	2015	100- 450
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	131-262 Đạt từ 25%-50% DTTK	2014	500-1.600
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	< 131 Nhỏ hơn 25% DTTK	-	-

Các kịch bản hạn hán cho lưu vực sông Hương và phụ cận:

-Kịch bản không hạn: Đông Xuân 2017-2018.

+ Lượng mưa vụ: 541,2 mm (TBNN 426,7 mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 458,86 triệu m³

- Kịch bản hạn nhẹ: Đông Xuân 2015-2016.

+ Lượng mưa vụ: 517,6 mm (TBNN 426,7 mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 334,2 triệu m³

+ Tổng diện tích thiếu nước: 182ha.

- Kịch bản hạn vừa: Đông Xuân 2013-2014.

+ Lượng mưa vụ: 396,3 mm (TBNN 426,7 mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 239,8 triệu m³

+ Tổng diện tích thiếu nước: 670ha

Tỉnh Thừa Thiên Huế vụ đông Xuân không xảy ra kịch bản hạn nặng.

❖ Nhận định vụ Đông Xuân năm 2018-2019 lưu vực sông Hương và phụ cận:

- Về dung tích: Tổng dung tích đầu vụ Đông Xuân 2019 của các hồ trong lưu vực sông Hương và phụ cận đạt 360,942 triệu m³ tương đương 69% so với dung tích thiết kế.

- Về lượng mưa: Lượng mưa dự báo tại các trạm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế vụ Đông Xuân thấp hơn từ 43 ÷ 67% so với TBNN.

+ Đối với vùng ngoài công trình thủy lợi: Lượng mưa cộng dồn từ đầu tháng VI/2018 tính đến hết ngày 17/V/2018 với trung bình nhiều năm thấp hơn từ 28-53%

Vì vậy dự báo vụ Đông Xuân năm 2018-2019 ở tỉnh Thừa Thiên Huế có khả năng nằm trong khoảng giữa kịch bản hạn vừa và hạn nhẹ.

2. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Tính từ ngày 29/12/2019 cho đến hết vụ đông xuân, nhu cầu nước vụ đông xuân tại khu tưới của 14 công trình hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế là 505,320 triệu m³.

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, tính toán cân bằng nước cho từng công trình đã được thực hiện. Tất cả các hồ đều đáp ứng đủ



nguồn nước tưới cho tới hết vụ Đông Xuân 2018-2019 trên các diện tích đã gieo trồng theo kế hoạch.

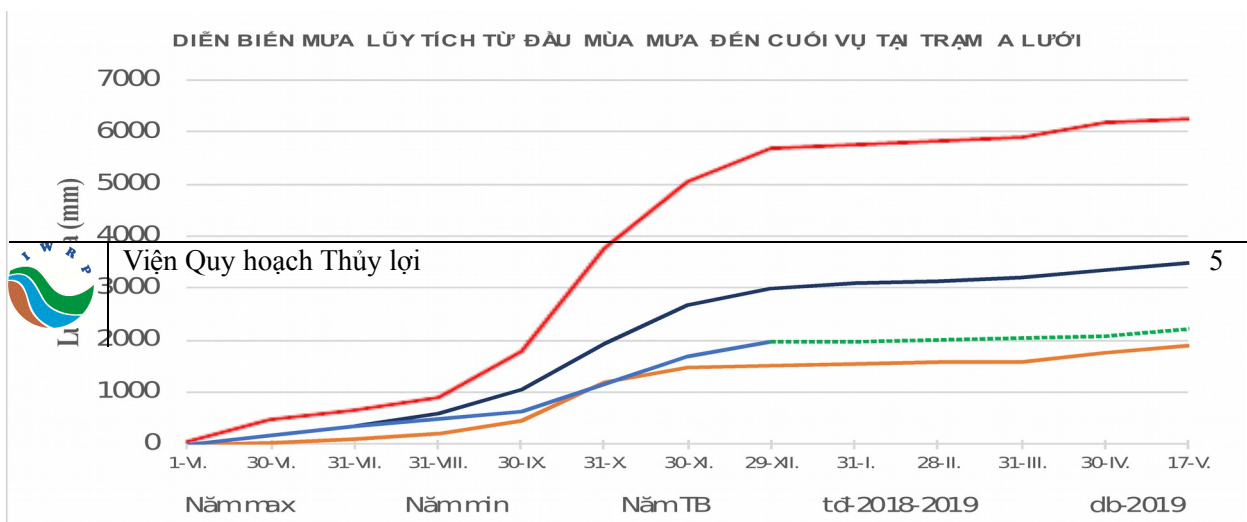
Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2018- 2019 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được thể hiện dưới bảng sau:

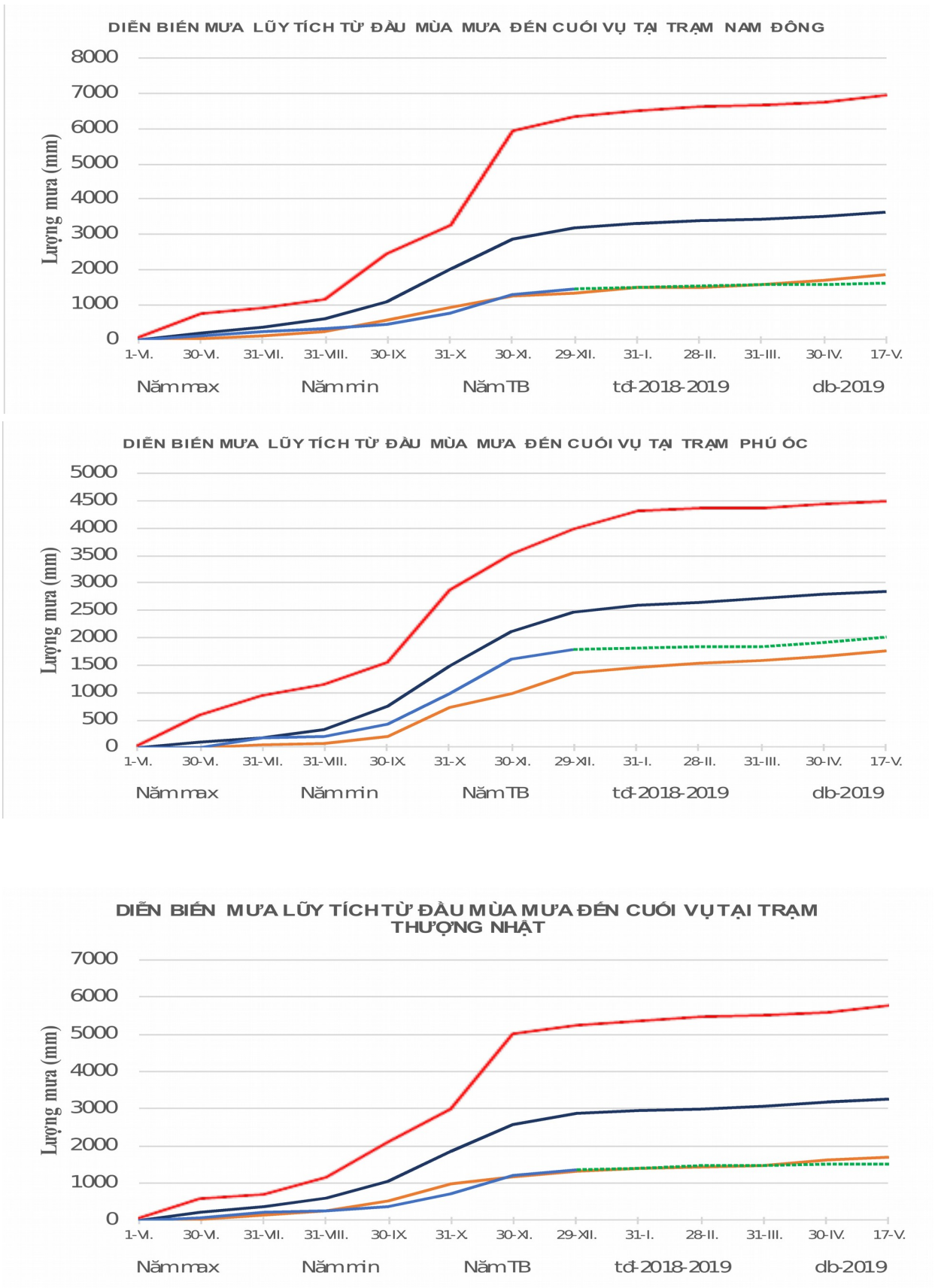
TT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018 - 2019			Ghi chú
				Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Hồ Tà Trạch	18	34782	34	100	34782	
2	Hồ Truồi	43	1332	87	100	1332	
3	Hồ Khe Ngang	31	250,6	81	100	250,6	
4	Hồ Hòa Mỹ	20	625	77	100	625	
5	Phú Bài 2	8	115,36	73	100	115,36	
6	Hồ Thọ Sơn	7	252	77	100	252	
7	Hồ Mỹ Xuyên	78	77,8	91	100	77,8	
8	Hồ Châu Sơn	79	22	100	100	22	
9	Hồ Thiềm Lúa	71	35,8	89	100	35,8	
10	Hồ Thôn Niêm	62	50	86	100	50	
11	Hồ Tà Rinh	67	9,7	100	100	9,7	
12	Hồ Nam Giản	52	36,5	100	100	36,5	
13	Hồ A Lá	28	31,08	64	100	31,08	
14	Hồ Ông Môi	34	18	62	100	18	

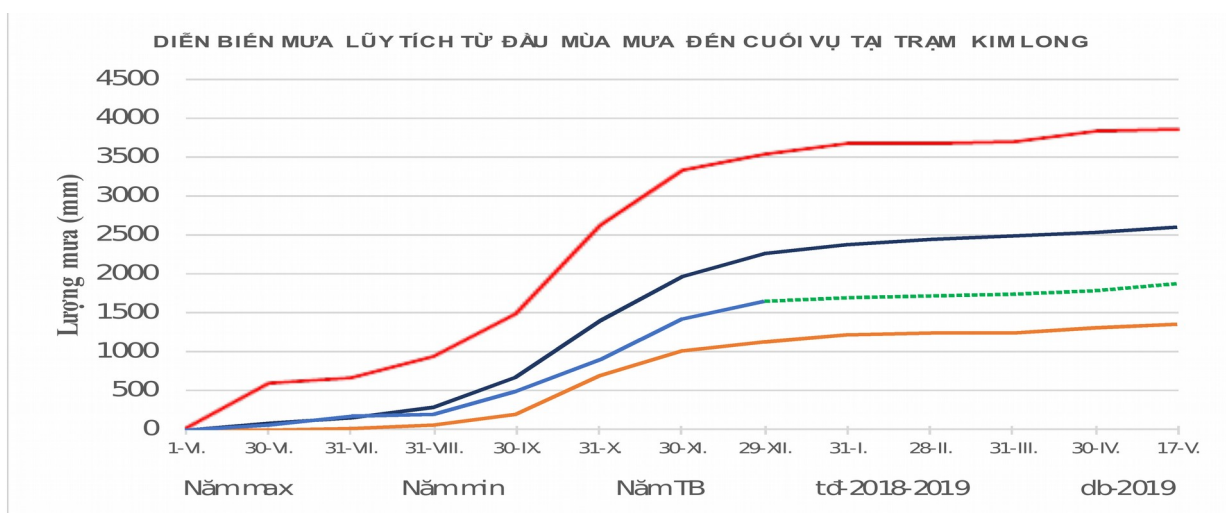
3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
A Lưới	A Lưới	2205,4	+17	-37	-65	Rủi ro hạn
Huế	Tp Huế, Phú Vang	1999,8	+44	-30	-62	Rủi ro hạn
Nam Đông	Nam Đông	1612,3	-12	-55	-77	Rủi ro hạn
Phú Ốc	Hương Trà, Quảng Điền	2009,8	+14	-30	-55	Rủi ro hạn
Kim Long	Tp Huế, Hương Thủy	1873,6	+38	-28	-51	Rủi ro hạn
Thượng Nhật	Nam Đông	1531,4	-9,3	-53	-74	Rủi ro hạn

Nhận xét: Lượng mưa lũy tích trên lưu vực sông thấp dần đến cuối năm 2018, dự báo lượng mưa đầu năm 2019 thấp, lũy tích đến cuối vụ dự báo thấp hơn từ 28 ÷ 55% so với TBNN, nên khả năng cung cấp nước ngầm khả năng thấp hơn so với TBNN.







III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhìn chung, nguồn nước phục vụ sản xuất trong Vụ Đông Xuân năm 2018-2019 trên lưu vực sông Hương và phụ cận bảo đảm cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, theo dự báo lượng mưa và dòng chảy đều thấp hơn TBNN, theo tính toán đến cuối vụ Đông xuân tổng dung tích các hồ trong vùng chỉ đạt 44% dung tích thiết kế. Vì vậy, để có thể đáp ứng tốt nguồn nước cho cả vụ Hè năm 2019 và đề phòng những tháng nhiệt độ tăng cao, tổn thất bốc thoát hơi nước lớn, các hồ chứa cần chủ động tích nước khi có mưa, thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm nước và tiếp tục theo dõi, cập nhật diễn biến thời tiết để có giải pháp kịp thời cho các hồ nêu trên.

Bản tin tiếp theo sẽ được cập nhật vào ngày 18/11/2018.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Thừa Thiên Huế;
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

